|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**  **------------------**  Số: /2014/TT-BTC  **Dự thảo ngày 13/10/2014** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**  **-------------------------------**  *Hà Nội, ngày tháng năm 2014* |

## THÔNG TƯ

**Quy định về thủ tục hải quan đối với**

**phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh**

**-------------------------------**

#### *Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23tháng 6 năm 2004;*

#### *Căn cứ Bộ Luật Hàng hải Việt Nam số 40/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005;*

#### *Căn cứ Bộ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số ………….ngày tháng năm 2014 của Chính phủ về quy định thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về quản lý cảng biển và luồng hàng hải;*

*Căn cứ Nghị định số 83/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về quản lý cảng hàng không, sân bay;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh như sau:

**CHƯƠNG I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo các loại hình vận tải đường biển, đường sông quốc tế; đường hàng không; đường sắt liên vận quốc tế; đường bộ, đường thủy nội địa.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan hải quan; công chức hải quan.

2. Người khai hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

3. Doanh nghiệp kinh doanh kho, bãi tại khu vực cửa khẩu đường biển đường sông quốc tế; đường hàng không; đường sắt; đường bộ, đường thủy nội địa.

4. Các cơ quan quản lý Nhà nước tại khu vực cửa khẩu đường biển, đường sông quốc tế; đường hàng không; đường sắt liên vận quốc tế; đường bộ, đường thủy nội địa.

**Điều 3. Giải thích thuật ngữ**

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh là thủ tục hải quan trong đó việc khai hải quan, tiếp nhận bản khai hàng hóa, các chứng từ khác có liên quan và quyết định hoàn thành thủ tục hải quan điện tử đối với tàu đối tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh được thực hiện thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.
2. Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan: Là hệ thống thông tin do Tổng cục Hải quan quản lý tập trung, thống nhất, sử dụng để thực hiện thủ tục hải quan điện tử.
3. Hệ thống khai hải quan điện tử: Là hệ thống thông tin do người khai hải quan sử dụng để thực hiện thủ tục hải quan điện tử.
4. Hoàn thành thủ tục hải quan điện tử đối với tàu điện tử tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh là việc cơ quan Hải quan quyết định thông báo hoàn thành thủ tục hải quan điện tử đối với tàu tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh bằng phương thức điện tử.
5. Hệ thống quản lý phương tiện đường bộ xuất nhập cảnh là phần mềm do Tổng cục Hải quan quản lý tập trung, thống nhất, sử dụng để cập nhật thông tin, theo dõi và làm thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải nhập cảnh (tạm nhập), xuất cảnh (tạm xuất).

**Điều 4. Địa điểm làm thủ tục hải quan**

1. Đối với phương tiện vận tải đường biển, đường sông quốc tế:

a) Trụ sở cơ quan hải quan thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

b) Trường hợp bất khả kháng không thể thực hiện thủ tục hải quan điện tử (như hệ thống khai hải quan điện tử có sự cố), địa điểm làm thủ tục:

b.1) Tại trụ sở chính hoặc Văn phòng đại diện cảng vụ hàng hải;

b.2) Tại tàu thuyền trong các trường hợp:

b.2.1) Thủ tục đối với tàu khách;

b.2.2) Trường hợp có đủ cơ sở để nghi ngờ tính xác thực của việc khai báo về kiểm dịch của tàu thuyền hoặc tàu thuyền đến từ những khu vực có dịch bệnh liên quan đến người, động vật hoặc thực vật.

2. Đối với phương tiện vận tải đường hàng không:

Trụ sở cơ quan hải quan tại sân bay quốc tế.

3. Đối với phương tiện vận tải đường sắt liên vận quốc tế:

Trụ sở cơ quan hải quan tại ga đường sắt liên vận quốc tế.

4. Đối với phương tiện vận tải đường bộ, đường thủy nội địa:

a) Trụ sở cơ quan hải quan tại khu vực cửa khẩu đường bộ, đường thủy nội địa.

b) Địa điểm kiểm tra chung giữa Hải quan Việt Nam với Hải quan các láng giềng tại khu vực cửa khẩu đường bộ.

**Điều 5. Người khai hải quan**

1. Đối với phương tiện vận tải đường biển, đường sông quốc tế:

a) Thuyền trưởng hoặc người đại diện hợp pháp của người vận tải (hãng tàu/đại lý hãng tàu) chịu trách nhiệm khai và làm thủ tục hải quan.

b) Trường hợp Hãng tàu/Đại lý hãng tàu không có đầy đủ thông tin chi tiết về vận đơn gom hàng như mô tả chi tiết hàng hoá, người gửi hàng, người nhận hàng thì Công ty giao nhận phát hành vận đơn đó có trách nhiệm tạo lập, gửi thông tin điện tử chi tiết về vận đơn gom hàng đến Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

2. Đối với phương tiện vận tải đường hàng không:

a) Cơ trưởng hoặc người đại diện hợp pháp của người vận tải (hãng hàng không/đại lý hãng hàng không) chịu trách nhiệm khai và làm thủ tục hải quan.

b) Trường hợp thực hiện thủ tục hải quan điện tử, nếu Hãng hàng không/Đại lý hãng hàng không không có đầy đủ thông tin chi tiết về vận đơn gom hàng như mô tả chi tiết hàng hoá, người gửi hàng, người nhận hàng thì Công ty giao nhận phát hành vận đơn đó có trách nhiệm tạo lập, gửi thông tin điện tử chi tiết về vận đơn gom hàng đến Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

3. Đối với phương tiện vận tải đường bộ:

Người điều khiển phương tiện vận tải hoặc người đại diện hợp pháp.

4. Đối với phương tiện vận tải đường sắt liên vận quốc tế:

Trưởng tàu hoặc người đại diện hợp pháp.

**Điều 6. Địa bàn và đối tượng thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh**

1. Địa bàn thực hiện: Tại Chi cục hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế.

2.Đối tượng thực hiện:

a) Việc lựa chọn đối tượng do Tổng cục Hải quan thực hiện trên nguyên tắc:

a.1) Hãng hàng không có lưu lượng chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu, hành khách xuất nhập cảnh lớn.

a.2) Chuẩn dữ liệu phần mềm khai hải quan phù hợp với chuẩn dữ liệu do Tổng cục Hải quan công bố.

b) Thủ tục thông báo và lựa chọn:

b.1) Hãng hàng không gửi Thông báo tham gia bằng phương thức điện tử (theo mẫu số 1 – Phụ lục I) gửi đến Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

b.2) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo tham gia của Hãng tàu bay, Tổng cục Hải quan xem xét trả lời chấp nhận hoặc từ chối (nêu rõ lý do) bằng phương thức điện tử để Hãng tàu bay biết.

b.3) Trường hợp vì lý do bất khả kháng không thực hiện bằng phương thức điện tử thì việc gửi Thông báo tham gia của Hãng tàu bay và việc trả lời của Tổng cục Hải quan nêu tại điểm a, điểm b trên đây thực hiện bằng hồ sơ giấy.

b.4) Tổng cục Hải quan sẽ thực hiện việc cấp tài khoản thực hiện thủ tục hải quan điện tử cho hãng hàng không, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố có trách nhiệm cấp tài khoản thực hiện thủ tục hải quan điện tử cho đại lý hãng hàng không và công ty giao nhận. Khi nhận được thông báo cấp tài khoản của Tổng cục Hải quan hoặc của Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, hãng hàng không, đại lý hãng hàng không, công ty giao nhận phải thay đổi mật khẩu tài khoản của mình. Nếu sau 10 ngày kể từ khi được cấp tài khoản, hãng hàng không, đại lý hãng hàng không, công ty giao nhận không thay đổi mật khẩu truy cập, Tổng cục Hải quan sẽ hủy tài khoản trên hệ thống.

**Điều 7. Địa bàn và đối tượng thực hiện thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh**

1. Địa bàn thực hiện:

Tại Chi cục hải quan cửa khẩu cảng biển, cảng sông quốc tế trên phạm vi toàn quốc.

2. Đối tượng thực hiện:

a) Tàu biển Việt Nam, tàu biển nước ngoài chuyên chở hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; chuyên chở hành khách xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

b) Các loại tàu khác khi nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh nếu phải làm thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật thì thực hiện thủ tục bằng hồ sơ giấy.

3. Thủ tục đăng ký thực hiện thủ tục hải quan điện tử:

Tổng cục Hải quan sẽ thực hiện việc cấp tài khoản thực hiện thủ tục hải quan điện tử cho hãng tàu, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố có trách nhiệm cấp tài khoản thực hiện thủ tục hải quan điện tử cho đại lý hãng tàu và công ty giao nhận. Hãng tàu, đại lý hãng tàu, công ty giao nhận gửi biểu mẫu đăng ký thực hiện thủ tục hải quan điện tử (theo Mẫu số 2 – Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này) về Tổng cục Hải quan hoặc Cục Hải quan các tỉnh, thành phố nơi đại lý hãng tàu, công ty giao nhận đóng trụ sở chính. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Tổng cục Hải quan hoặc Cục Hải quan các tỉnh, thành phố có trách nhiệm xem xét trả lời chấp nhận, cấp tài khoản cho hãng tàu, đại lý hãng tàu và công ty giao nhận, hoặc từ chối cấp tài khoản có nêu rõ lý do để hãng tàu, đại lý hãng tàu và công ty giao nhận biết. Khi nhận được thông báo cấp tài khoản của Tổng cục Hải quan hoặc của Cục Hải quan các tỉnh, thành phố, hãng tàu, đại lý hãng tàu, công ty giao nhận phải thay đổi mật khẩu tài khoản của mình. Nếu sau 10 ngày kể từ khi được cấp tài khoản, hãng tàu, đại lý hãng tàu, công ty giao nhận không thay đổi mật khẩu truy cập, Tổng cục Hải quan sẽ hủy tài khoản trên hệ thống.

Trường hợp hãng tàu, đại lý hãng tàu, công ty giao nhận đã được cấp tài khoản e-manifest thì không phải đăng ký lại theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

**Điều 8. Nguyên tắc tiến hành thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh**

1. Khai hải quan và gửi thông tin khai hải quan đối với tàu biển, tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phải thực hiện trước khi tàu đến cảng và trước khi tàu rời cảng.

2. Việc thông báo hoàn thành thủ tục hải quan điện tử đối với tàu tàu biển, tàu bay nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh được quyết định trước khi tàu đến cảng hoặc rời cảng trên cơ sở thông tin khai hải quan nếu không có dấu hiệu vi phạm. Trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì có thể phải kiểm tra thực tế tàu biển, tàu bay trước khi quyết định thông báo hoàn thành thủ tục hải quan điện tử đối với tàu biển, tàu bay.

**Điều 9. Thu lệ phí làm thủ tục hải quan**

1. Hình thức thu nộp lệ phí:

a) Đối với phương tiện vận tải thực hiện thủ tục hải quan theo phương thức truyền thống, người khai hải quan nộp lệ phí hải quan theo từng lần phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

b) Đối với phương tiện vận tải thực hiện thủ tục hải quan theo phương thức điện tử, người khai hải quan được lựa chọn nộp lệ phí theo từng lần phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, hoặc nộp lệ phí theo từng tháng. Thủ tục nộp lệ phí theo từng tháng thực hiện như sau:

b.1) Người khai hải quan có văn bản đăng ký với Chi cục Hải quan nơi phương tiện vận tải làm thủ tục hải quan về việc nộp lệ phí theo từng tháng và được Chi cục Hải quan chấp thuận.

b.2) Đến hết kỳ đăng ký, người khai hải quan nộp lệ phí hải quan cho các phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh phát sinh trong kỳ.

2. Mức thu lệ phí thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.

**CHƯƠNG II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**MỤC I**

**Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh**

**PHẦN I**

**Thủ tục hải quan đối với tàu biển nhập cảnh**

Điều 10. Tạo lập thông tin điện tử về hồ sơ hải quan

1. Người khai hải quan được lựa chọn một trong hai hình thức tạo lập thông tin điện tử sau:

a) Tạo lập theo chuẩn định dạng do Tổng cục Hải quan công bố để gửi đến Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan; hoặc

b) Khai trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

* + 1. Hồ sơ hải quan điện tử đối với tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh gồm 08 loại chứng từ (các tiêu chí theo mẫu quy định tại Phụ lục II Thông tư này):

a) Bản khai hàng hóa nhập khẩu bằng đường biển (Mẫu số 1);

b) Thông tin về Vận đơn gom hàng (house bill of lading) (Mẫu số 2);

c) Bản khai chung (Mẫu số 3);

d) Danh sách thuyền viên (Mẫu số 4);

đ) Bản khai hành lý thuyền viên (Mẫu số 5);

e) Bản khai dự trữ của tàu (Mẫu số 6);

g) Danh sách hành khách (nếu có) (Mẫu số 7);

h) Bản khai hàng hóa nguy hiểm trong trường hợp có vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (Mẫu số 8).

3. Tiếp nhận và phản hồi thông tin hồ sơ hải quan điện tử:

a) Người khai hải quan thực hiện gửi hồ sơ điện tử theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều ... Nghị định số ....

b) Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận thông tin khai điện tử 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần.

c) Phản hồi thông tin:

c.1) Trường hợp thông tin khai đảm bảo đầy đủ các tiêu chí và khuôn dạng theo quy định thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông tin chấp nhận nội dung khai hải quan (mẫu số 9 Phụ lục II).

c.2) Trường hợp thông tin khai chưa đầy đủ thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông báo lý do chưa tiếp nhận và hướng dẫn người khai hải quan khai lại (mẫu số 9 Phụ lục II).

4. Khai sửa đổi, bổ sung thông tin về hồ sơ hải quan điện tử tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh:

a) Người khai hải quan: Thông tin hồ sơ hải quan điện tử tàu biển nhập cảnh, xuất cảnh đã gửi cho cơ quan hải quan nếu người khai hải quan có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì người khai hải quan phải tạo thông tin khai và thông báo cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bằng phương thức điện tử. Thời điểm khai sửa đổi, bổ sung:

a.1) Đối với bản khai hàng hóa nhập khẩu, vận đơn gom hàng có thể thực hiện trước hoặc sau thời điểm đăng ký tờ khai hải quan lô hàng nhập khẩu.

a.2) Các chứng từ khác phải thực hiện trước thời điểm tàu nhập cảnh.

b) Cơ quan hải quan:

b.1) Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu nhập cảnh, xuất cảnh tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung lưu vào hệ thống và cung cấp cho các đơn vị chức năng để triển khai công tác nghiệp vụ có liên quan.

b.2) Đối với sửa đổi, bổ sung bản khai hàng hóa nhập khẩu, vận đơn gom hàng, Chi cục hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu cho lô hàng kiểm tra thông tin sửa đổi, bổ sung trên hệ thống. Nếu xét thấy nội dung sửa đổi, bổ sung ảnh hưởng đến chính sách mặt hàng, chính sách thuế nhằm buôn lậu, gian lận thương mại thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan xem xét quyết định chuyển luồng hàng hóa sang luồng đỏ khi thực hiện thủ tục hải quan cho lô hàng.

5. Trường hợp bất khả kháng khi hệ thống khai điện tử gặp sự cố, việc khai và làm thủ tục hải quan được thực hiện bằng hồ sơ giấy. Khi hệ thống được phục hồi, người khai hải quan tạo lập và gửi thông tin điện tử lên hệ thống.

**Điều 11. Thủ tục hải quan**

1. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan:

a) Tiếp nhận, khai thác thông tin khai hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; kiểm tra, tổng hợp, phân tích thông tin khai và các thông tin khác (thông tin quản lý rủi ro, thông tin từ các đơn vị khác trong và ngoài ngành) và xử lý:

a.1) Nếu thông tin khai hải quan phù hợp với các quy định của pháp luật, không có thông tin nghi ngờ thì hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu biển nhập cảnh.

a.2) Nếu đủ cơ sở khẳng định có vi phạm pháp luật hải quan như trên tàu có chuyên chở hàng hóa cấm nhập khẩu, hàng hóa buôn lậu … thì vẫn thực hiện thủ tục hải quan cho tàu biển nhập cảnh, đồng thời triển khai các nghiệp vụ khác có liên quan như tổ chức giám sát tàu, giám sát hàng hóa khi dỡ xuống và lưu giữ trong khu vực giám sát hải quan, chuyển luồng đỏ khi thực hiện thủ tục thông quan đối với hàng hóa và các biện pháp nghiệp vụ khác.

a.3) Trường hợp có thông tin yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng hải, Tòa án, cơ quan Công an, Biên phòng và các cơ quan quản lý khác thì tạm thời dừng làm thủ tục theo yêu cầu và chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định, đồng thời báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn xử lý.

b) Đối với trường hợp nêu tại điểm a.1 khoản 1 Điều này, sau khi hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu biển nhập cảnh, Chi cục Hải quan gửi “Thông báo thông quan tàu biển” theo mẫu số 10 – Phụ lục II Thông tư này dưới dạng điện tử hoặc bằng văn bản giấy (áp dụng với trường hợp không tiếp nhận được ở dạng điện tử) cho người khai hải quan, Cảng vụ hàng hải, cơ quan có liên quan và doanh nghiệp kinh doanh cảng thông báo về việc đã hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu biển nhập cảnh.

2. Trách nhiệm của người khai hải quan:

a) Thực hiện các quyết định của cơ quan hải quan;

b) Khi tàu biển nhập cảnh đã vào vị trí neo đậu an toàn do Cảng vụ hàng hải chỉ định và sau khi hoàn tất thủ tục nhập cảnh với các cơ quan quản lý khác, người khai hải quan gửi Thông báo tàu đến bằng phương thức điện tử cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu (theo mẫu số 11 – Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này). Thời điểm gửi Thông báo tàu đến cảng được xác định là thời điểm hàng hóa nhập khẩu chuyên chở trên tàu đến cửa khẩu Việt Nam, làm cơ sở thực hiện các chính sách quản lý có liên quan.

**PHẦN II**

**Thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh**

Điều 12. Tạo lập thông tin điện tử về hồ sơ hải quan

1. Người khai hải quan được lựa chọn một trong hai hình thức tạo lập thông tin điện tử sau:

a) Tạo lập theo chuẩn định dạng do Tổng cục Hải quan công bố để gửi đến Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan; hoặc

b) Khai trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

2. Hồ sơ hải quan điện tử đối với tàu biển xuất cảnh gồm 06 loại chứng từ (các tiêu chí theo mẫu quy định tại Phụ lục II Thông tư này):

a) Bản khai hàng hóa xuất khẩu bằng đường biển (Mẫu số 1);

b) Bản khai chung (Mẫu số 3);

c) Danh sách thuyền viên (Mẫu số 4);

d) Bản khai hành lý thuyền viên (Mẫu số 5);

đ) Bản khai dự trữ của tàu (Mẫu số 6);

e) Danh sách hành khách (nếu có) (Mẫu số 7);

3. Tiếp nhận và phản hồi thông tin hồ sơ hải quan điện tử:

a) Người khai hải quan thực hiện gửi hồ sơ điện tử theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều ... Nghị định số ....

b). Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận thông tin khai điện tử 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần.

c) Phản hồi thông tin:

c.1) Trường hợp thông tin khai đảm bảo đầy đủ các tiêu chí và khuôn dạng theo quy định thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông tin chấp nhận nội dung khai hải quan (mẫu số 9 Phụ lục II).

c.2) Trường hợp thông tin khai chưa đầy đủ thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông báo lý do chưa tiếp nhận và hướng dẫn người khai hải quan khai lại (mẫu số 9 Phụ lục II).

4. Khai sửa đổi, bổ sung thông tin về hồ sơ hải quan điện tử tàu biển xuất cảnh:

a) Người khai hải quan: Thông tin hồ sơ hải quan điện tử tàu biển xuất cảnh đã gửi cho cơ quan hải quan nếu người khai hải quan có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai sai, khai thiếu, người khai hải quan phải tạo thông tin khai và thông báo cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bằng phương thức điện tử. Thời điểm khai sửa đổi, bổ sung:

a.1) Đối với bản khai hàng hóa xuất khẩu: trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu xuất cảnh.

a.2) Các chứng từ khác phải thực hiện trước thời điểm tàu xuất cảnh.

b) Cơ quan hải quan:

Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu xuất cảnh tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung lưu vào hệ thống và cung cấp cho các đơn vị chức năng để triển khai công tác nghiệp vụ có liên quan.

5. Trường hợp bất khả kháng khi hệ thống khai điện tử gặp sự cố, việc khai và làm thủ tục hải quan được thực hiện bằng hồ sơ giấy. Khi hệ thống được phục hồi, người khai hải quan tạo lập và gửi thông tin điện tử lên hệ thống.

**Điều 13. Thủ tục hải quan**

1. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan:

a) Tiếp nhận, khai thác thông tin khai hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan; kiểm tra, tổng hợp, phân tích thông tin khai và các thông tin khác (thông tin quản lý rủi ro, thông tin từ các đơn vị khác trong và ngoài ngành) và xử lý:

a.1) Nếu thông tin khai hải quan phù hợp với các quy định của pháp luật, không có thông tin nghi ngờ thì hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu biển nhập cảnh.

a.2) Trường hợp có thông tin yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng hải, Tòa án, cơ quan Công an, Biên phòng và các cơ quan quản lý khác thì tạm thời dừng làm thủ tục theo yêu cầu và chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định, đồng thời báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn xử lý.

b) Đối với trường hợp nêu tại điểm a.1 khoản 1 Điều này, sau khi hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu biển xuất cảnh, Chi cục Hải quan gửi “Thông báo thông quan tàu biển” theo mẫu số 10 – Phụ lục II Thông tư này dưới dạng điện tử hoặc bằng văn bản giấy (áp dụng với trường hợp không tiếp nhận được ở dạng điện tử) cho người khai hải quan, Cảng vụ hàng hải, cơ quan có liên quan và doanh nghiệp kinh doanh cảng thông báo về việc đã hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu biển xuất cảnh.

2. Trách nhiệm của người khai hải quan:

a) Thực hiện các quyết định của cơ quan hải quan;

b) Sau khi hoàn tất thủ tục xuất cảnh với các cơ quan quản lý, người khai hải quan gửi Thông báo tàu rời cảng bằng phương thức điện tử cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu (theo mẫu số 12 – Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này). Thời điểm gửi Thông báo tàu rời cảng được xác định là thời điểm tàu và hàng hóa xuất khẩu chuyên chở trên tàu rời cảng Việt Nam, làm cơ sở thực hiện các chính sách quản lý có liên quan.

**PHẦN III**

**Thủ tục hải quan đối với tàu biển quá cảnh**

**Điều 14. Thủ tục hải quan**

1. Trách nhiệm của người khai hải quan:

a) Khi tàu nhập cảnh: Thực hiện tạo lập thông tin hồ sơ hải quan điện tử và thực hiện thủ tục hải quan đối với tàu nhập cảnh quy định tại Điều 10, Điều 11 Thông tư này.

b) Khi tàu xuất cảnh: Nếu có sự thay đổi về các chứng từ khi nhập cảnh, người khai hải quan tạo lập thông tin hồ sơ hải quan điện tử các chứng từ đã có sự thay đổi so với lúc nhập cảnh và thực hiện thủ tục hải quan đối với tàu xuất cảnh quy định tại Điều 12, Điều 13 Thông tư này.

2. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi tàu nhập cảnh:

a) Thực hiện thủ tục hải quan điện tử tàu biển nhập cảnh theo quy định tại Điều 12 Thông tư này.

b) Lập phiếu chuyển hồ sơ tàu quá cảnh theo mẫu số 01/PQC Phụ lục III ban hành kèm Thông tư này, xác nhận bằng chữ ký số, gửi lên Hệ thống

c) Niêm phong kho dự trữ và hầm hàng (nếu đủ điều kiện)

d) Kiểm tra trên Hệ thống kết quả làm thủ tục hải quan đối với tàu xuất cảnh do Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu xuất cảnh hồi báo, phối hợp với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu xuất cảnh xác minh làm rõ và xử lý theo quy định đối với trường hợp tàu quá cảnh có vi phạm pháp luật hải quan (nếu có).

3. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan nơi tàu xuất cảnh:

a) Khai thác trên Hệ thống thông tin về bản lược khai hàng hóa quá cảnh, về thông tin liên quan đến hàng hóa, đến tàu.

b) Kiểm tra tình trạng niêm phong kho dự trữ, hầm hàng (nếu có).

c) Xác nhận bằng chữ ký số, gửi vào Hệ thống thông báo về việc đã tiếp nhận thông tin về tàu, hàng hóa và các vi phạm liên quan đến tàu, hàng hóa, thuyền viên, hành khách, phối hợp với Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu nhập cảnh xác minh làm rõ và xử lý theo quy định đối với trường hợp tàu quá cảnh có vi phạm pháp luật hải quan (nếu có).

d) Thực hiện thủ tục hải quan đối với tàu biển xuất cảnh theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

**MỤC II**

**Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh**

**PHẦN I**

**Thủ tục hải quan đối với tàu bay nhập cảnh**

Điều 15. Tạo lập thông tin về hồ sơ hải quan

1. Tạo lập thông tin hồ sơ điện tử:

a) Người khai hải quan được lựa chọn một trong hai hình thức tạo lập thông tin điện tử sau:

a.1) Tạo lập theo chuẩn định dạng do Tổng cục Hải quan công bố để gửi đến Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan; hoặc

a.2) Khai trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

b) Hồ sơ hải quan điện tử đối với tàu bay nhập cảnh gồm 05 loại chứng từ (các tiêu chí theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư này):

b.1) Bản khai hàng hóa nhập khẩu bằng đường hàng không đối với tàu bay chuyên chở hàng hóa (Mẫu số 1);

b.2) Thông tin về Vận đơn gom hàng (house bill of lading) đối với tàu bay chuyên chở hàng hóa (Mẫu số 2);

b.3) Danh sách Tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay (Mẫu số 3);

b.4) Bản khai hành lý ký gửi của khách đối với tàu bay chuyên chở hành khách (Mẫu số 4);

b.5) Danh sách hành khách đối với tàu bay chuyên chở hành khách (Mẫu số 5);

c) Tiếp nhận và phản hồi thông tin hồ sơ hải quan điện tử:

c.1) Người khai hải quan thực hiện gửi hồ sơ điện tử theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều ... Nghị định số ....

c.2) Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận thông tin khai điện tử 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần.

c.3) Phản hồi thông tin:

c.3.1) Trường hợp thông tin khai đảm bảo đầy đủ các tiêu chí và khuôn dạng theo quy định thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông tin chấp nhận nội dung khai hải quan (mẫu số 9 Phụ lục II).

c.3.2) Trường hợp thông tin khai chưa đầy đủ thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông báo lý do chưa tiếp nhận và hướng dẫn người khai hải quan khai lại (mẫu số 9 Phụ lục II).

d) Khai sửa đổi, bổ sung thông tin về hồ sơ hải quan điện tử tàu bay nhập cảnh:

d.1) Người khai hải quan: Thông tin hồ sơ hải quan điện tử tàu bay nhập cảnh đã gửi cho cơ quan hải quan nếu người khai hải quan có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai sai, khai thiếu, người khai hải quan phải tạo thông tin khai và thông báo cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bằng phương thức điện tử. Thời điểm khai sửa đổi, bổ sung:

d.1.1) Đối với bản khai hàng hóa nhập khẩu, vận đơn gom hàng có thể thực hiện trước hoặc sau thời điểm đăng ký tờ khai hải quan lô hàng nhập khẩu.

d.1.2) Các chứng từ khác phải thực hiện trước thời điểm tàu nhập cảnh.

d.2) Cơ quan hải quan:

d.2.1) Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu nhập cảnh tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung lưu vào hệ thống và cung cấp cho các đơn vị chức năng để triển khai công tác nghiệp vụ có liên quan.

d.2.2) Đối với sửa đổi, bổ sung bản khai hàng hóa nhập khẩu, vận đơn gom hàng, Chi cục hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu cho lô hàng kiểm tra thông tin sửa đổi, bổ sung trên hệ thống. Nếu xét thấy nội dung sửa đổi, bổ sung ảnh hưởng đến chính sách mặt hàng, chính sách thuế nhằm buôn lậu, gian lận thương mại thì Chi cục trưởng Chi cục Hải quan xem xét quyết định chuyển luồng hàng hóa sang luồng đỏ khi thực hiện thủ tục hải quan cho lô hàng.

đ) Trường hợp bất khả kháng khi hệ thống khai điện tử gặp sự cố, việc khai và làm thủ tục hải quan được thực hiện bằng hồ sơ giấy. Khi hệ thống được phục hồi, người khai hải quan tạo lập và gửi thông tin điện tử lên hệ thống.

2. Trường hợp chưa thực hiện thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan thực hiện nộp hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều … Nghị định số … và theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều … Nghị định số …

**Điều 16. Thủ tục hải quan**

1. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan:

a) Tiếp nhận, khai thác thông tin khai hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc thông tin từ hồ sơ giấy; kiểm tra, tổng hợp, phân tích thông tin khai và các thông tin khác (thông tin quản lý rủi ro, thông tin từ các đơn vị khác trong và ngoài ngành) và xử lý:

a.1) Nếu thông tin khai hải quan phù hợp với các quy định của pháp luật, không có thông tin nghi ngờ thì hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu bay nhập cảnh.

a.2) Nếu đủ cơ sở khẳng định có vi phạm pháp luật hải quan như trên tàu có chuyên chở hàng hóa cấm nhập khẩu, hàng hóa buôn lậu … thì vẫn thực hiện thủ tục hải quan cho tàu biển nhập cảnh, đồng thời triển khai các nghiệp vụ khác có liên quan như tổ chức kiểm tra, giám sát tàu bay, giám sát hàng hóa khi dỡ xuống và lưu giữ trong khu vực giám sát hải quan, chuyển luồng đỏ khi thực hiện thủ tục thông quan đối với hàng hóa và các biện pháp nghiệp vụ khác.

a.3) Trường hợp có thông tin yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng không, Tòa án, cơ quan Công an và các cơ quan quản lý khác thì tạm thời dừng làm thủ tục theo yêu cầu và chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định, đồng thời báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn xử lý.

b) Sau khi hoàn thành thủ tục hải quan điện tử cho tàu bay nhập cảnh đối với trường hợp nêu tại điểm a.1, khoản 1 Điều này, Chi cục Hải quan gửi “Thông báo thông quan tàu bay” theo mẫu số 10 – Phụ lục II Thông tư này dưới dạng điện tử hoặc bằng văn bản giấy (áp dụng với trường hợp không tiếp nhận được ở dạng điện tử) cho người khai hải quan, Cảng vụ hàng không, cơ quan có liên quan và doanh nghiệp kinh doanh cảng thông báo về việc đã hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu bay nhập cảnh.

2. Trách nhiệm của người khai hải quan:

a) Thực hiện các quyết định của cơ quan hải quan;

b) Trường hợp làm thủ tục điện tử, sau khi tàu bay nhập cảnh đã vào vị trí đỗ an toàn do Cảng vụ hàng không chỉ định và sau khi hoàn tất thủ tục nhập cảnh với các cơ quan quản lý khác, người khai hải quan gửi Thông báo tàu đến bằng phương thức điện tử cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu (theo mẫu số 11 – Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này). Thời điểm gửi Thông báo tàu đến cảng được xác định là thời điểm hàng hóa nhập khẩu chuyên chở trên tàu đến cửa khẩu Việt Nam, làm cơ sở thực hiện các chính sách quản lý có liên quan.

**PHẦN II**

**Thủ tục hải quan đối với tàu bay xuất cảnh**

Điều 17. Tạo lập thông tin về hồ sơ hải quan

1. Tạo lập thông tin hồ sơ điện tử:

a) Người khai hải quan được lựa chọn một trong hai hình thức tạo lập thông tin điện tử sau:

a.1) Tạo lập theo chuẩn định dạng do Tổng cục Hải quan công bố để gửi đến Cổng Thông tin điện tử Tổng cục Hải quan; hoặc

a.2) Khai trực tiếp trên Cổng thông tin điện tử Tổng cục Hải quan.

b) Hồ sơ hải quan điện tử đối với tàu bay xuất cảnh gồm 04 loại chứng từ (các tiêu chí theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Thông tư này):

b.1) Bản khai hàng hóa xuất khẩu bằng đường hàng không đối với tàu bay chuyên chở hàng hóa (Mẫu số 1);

b.2) Danh sách Tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay (Mẫu số 3);

b.3) Bản khai hành lý ký gửi của khách đối với tàu bay chuyên chở hành khách (Mẫu số 4);

b.4) Danh sách hành khách đối với tàu bay chuyên chở hành khách (Mẫu số 5);

c) Tiếp nhận và phản hồi thông tin hồ sơ hải quan điện tử:

c.1) Người khai hải quan thực hiện gửi hồ sơ điện tử theo thời hạn quy định tại khoản 2 Điều ... Nghị định số ....

c.2) Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tiếp nhận thông tin khai điện tử 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần.

c.3) Phản hồi thông tin:

c.3.1) Trường hợp thông tin khai đảm bảo đầy đủ các tiêu chí và khuôn dạng theo quy định thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông tin chấp nhận nội dung khai hải quan (mẫu số 9 Phụ lục II).

c.3.2) Trường hợp thông tin khai chưa đầy đủ thì hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan tự động gửi thông báo lý do chưa tiếp nhận và hướng dẫn người khai hải quan khai lại (mẫu số 9 Phụ lục II).

d) Khai sửa đổi, bổ sung thông tin về hồ sơ hải quan điện tử tàu bay xuất cảnh:

d.1) Người khai hải quan: Thông tin hồ sơ hải quan điện tử tàu bay xuất cảnh đã gửi cho cơ quan hải quan nếu người khai hải quan có yêu cầu sửa đổi, bổ sung thì ngoài việc bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi khai sai, khai thiếu, người khai hải quan phải tạo thông tin khai và thông báo cho cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tàu bằng phương thức điện tử. Thời điểm khai sửa đổi, bổ sung:

d.1.1) Đối với bản khai hàng hóa xuất khẩu: trong thời hạn 24 giờ kể từ khi tàu xuất cảnh.

d.1.2) Các chứng từ khác phải thực hiện trước thời điểm tàu xuất cảnh.

d.2) Cơ quan hải quan:

Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu xuất cảnh tiếp nhận thông tin khai sửa đổi, bổ sung lưu vào hệ thống và cung cấp cho các đơn vị chức năng để triển khai công tác nghiệp vụ có liên quan.

đ) Trường hợp bất khả kháng khi hệ thống khai điện tử gặp sự cố, việc khai và làm thủ tục hải quan được thực hiện bằng hồ sơ giấy. Khi hệ thống được phục hồi, người khai hải quan tạo lập và gửi thông tin điện tử lên hệ thống.

2. Trường hợp chưa thực hiện thủ tục hải quan điện tử, người khai hải quan thực hiện nộp hồ sơ hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều … Nghị định số … và theo thời hạn quy định tại khoản 1 Điều … Nghị định số …

**Điều 18. Thủ tục hải quan**

1. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan:

a) Tiếp nhận, khai thác thông tin khai hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan hoặc hồ sơ giấy; kiểm tra, tổng hợp, phân tích thông tin khai và các thông tin khác (thông tin quản lý rủi ro, thông tin từ các đơn vị khác trong và ngoài ngành) và xử lý:

a.1) Nếu thông tin khai hải quan phù hợp với các quy định của pháp luật, không có thông tin nghi ngờ thì hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu bay xuất cảnh.

a.2) Trường hợp có thông tin yêu cầu tạm dừng làm thủ tục hải quan từ các cơ quan chức năng khác như Cảng vụ hàng không, Tòa án, cơ quan Công an và các cơ quan quản lý khác thì tạm thời dừng làm thủ tục theo yêu cầu và chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng xử lý theo quy định, đồng thời báo cáo Cục Hải quan tỉnh, thành phố và Tổng cục Hải quan để được hướng dẫn xử lý.

b) Sau khi hoàn thành thủ tục hải quan điện tử cho tàu bay xuất cảnh đối với trường hợp nêu tại tiết a.1, điểm a, khoản 1 Điều này, Chi cục Hải quan gửi “Thông báo thông quan tàu bay” theo mẫu số 10 – Phụ lục II Thông tư này dưới dạng điện tử hoặc bằng văn bản giấy (áp dụng với trường hợp không tiếp nhận được ở dạng điện tử) cho người khai hải quan, Cảng vụ hàng không, cơ quan có liên quan và doanh nghiệp kinh doanh cảng thông báo về việc đã hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu bay xuất cảnh.

2. Trách nhiệm của người khai hải quan:

a) Thực hiện các quyết định của cơ quan hải quan;

b) Sau khi hoàn tất thủ tục xuất cảnh với các cơ quan quản lý, người khai hải quan gửi Thông báo tàu rời cảng bằng phương thức điện tử cho Chi cục Hải quan nơi làm thủ tục tàu (theo mẫu số 12 – Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này). Thời điểm gửi Thông báo tàu rời cảng được xác định là thời điểm tàu và hàng hóa xuất khẩu chuyên chở trên tàu rời cảng Việt Nam, làm cơ sở thực hiện các chính sách quản lý có liên quan.

**PHẦN III**

**Thủ tục hải quan đối với tàu bay quá cảnh**

**Điều 19. Thủ tục hải quan**

Tàu bay quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam không phải làm thủ tục hải quan. Cơ quan Hải quan có trách nhiệm:

1. Giám sát hải quan theo quy định trong suốt quá trình tàu bay dừng đỗ tại sân bay.

2. Thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu cung ứng cho tàu bay (nếu có).

**MỤC III**

**Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu biên giới đường bộ, đường thủy nội địa**

**PHẦN I**

**Quy định chung**

**Điều 20. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ phương tiện vận tải**

1. Phương tiện nước ngoài nhập cảnh (tạm nhập) hoặc phương tiện Việt Nam xuất cảnh tạm xuất (tạm xuất):

a) Trách nhiệm của người khai hải quan:

Nộp và xuất trình các chứng từ theo quy định tại khoản … Điều … Nghị định số … Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập – tái xuất, tạm xuất - tái nhập theo mẫu số 1 Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này. Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm nhập – tái xuất, tạm xuất - tái nhập theo mẫu số 2 Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này.

b) Trách nhiệm của cơ quan Hải quan:

b.1) Tiếp nhận hồ sơ do người điều khiển phương tiện vận tải nộp và xuất trình.

b.2) Kiểm tra hồ sơ, kiểm đếm đủ số lượng, chủng loại các chứng từ và kiểm tra nội dung của các chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan, trong đó lưu ý kiểm tra các giấy tờ sau:

b.2.1) Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền (trừ trường hợp phương tiện vận tải lưu hành tại khu vực cửa khẩu và các loại phương tiện vận tải đường sông mà Điều ước quốc tế về vận tải đường thuỷ giữa Việt Nam và nước có chung đường biên giới không yêu cầu phải cấp giấy phép): Kiểm tra thời hạn tạm nhập-tái xuất còn giá trị, tuyến đường, cửa khẩu xuất cảnh, cửa khẩu nhập cảnh;

b.2.2) Giấy đăng ký phương tiện phải còn giá trị lưu hành;

b.2.3) Giấy tờ khác bao gồm:

b.2.3.1) Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe;

b.2.3.2) Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện cơ giới còn giá trị theo quy định tại Điều ước quốc tế về vận tải đường bộ giữa Việt Nam và nước có chung biên giới;

b.2.3.3) Hộ chiếu của lái xe và giấy đăng ký phương tiện mà lái xe điều khiển phải do cùng một Bên cấp (trừ phương tiện của cơ quan ngoại giao: Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán, Thương vụ, Thông tấn xã mang biển số của Bên ký kết kia qua lại biên giới thực hiện công vụ).

Quá trình kiểm tra hồ sơ phương tiện vận tải nếu phát hiện hồ sơ, giấy tờ chưa đầy đủ, hợp lệ thì từ chối tiếp nhận đăng ký hồ sơ, thông báo rõ lý do không tiếp nhận và những thiếu sót cần bổ sung cho người khai hải quan biết, trả lại hồ sơ cho người khai hải quan. Trường hợp người khai có yêu cầu thì phải thông báo bằng phiếu yêu cầu nghiệp vụ theo mẫu 3 phụ lục V ban hành kèm Thông tư này (ký hiệu PYCNV/PTVT/2014).

2. Phương tiện nước ngoài tái xuất (xuất cảnh) hoặc phương tiện Việt Nam tạm nhập (nhập cảnh):

a) Trách nhiệm của người khai hải quan:

a.1) Nộp và xuất trình các chứng từ theo quy định tại khoản … Điều … Nghị định số … Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập – tái xuất, tạm xuất - tái nhập theo mẫu số 1 Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này. Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm nhập – tái xuất, tạm xuất - tái nhập theo mẫu số 2 Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này. Tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm nhập – tái xuất, tạm xuất - tái nhập theo mẫu số 2 Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này.

a.2) Khai bổ sung (nếu có) những thay đổi khác so với khai báo khi tạm nhập.

b) Trách nhiệm của cơ quan Hải quan:

b.1) Tiếp nhận hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp, xuất trình, nhập thông tin vào các ô, mục định sẵn trên hệ thống phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ.

b.2) Kiểm tra hồ sơ, kiểm đếm đủ số lượng, chủng loại các chứng từ, kiểm tra nội dung của các chứng từ trong bộ hồ sơ hải quan, lưu ý kiểm tra các giấy tờ sau:

b.2.1) Văn bản gia hạn thời gian lưu hành phương tiện vận tải (nếu có);

b.2.2) Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền (quy định về thời hạn tạm nhập-tái xuất, về tuyến đường...);

b.2.3) Giấy tờ khác bao gồm:

b.2.3.1) Giấy phép lái xe phù hợp với loại xe còn giá trị;

b.2.3.2) Giấy chứng nhận kiểm định phương tiện cơ giới còn giá trị theo quy định tại Điều ước quốc tế về vận tải đường bộ giữa Việt Nam và nước có chung đường biên giới;

b.2.3.3) Hộ chiếu của lái xe còn giá trị;

b.2.3.4) Giấy đăng ký phương tiện mà lái xe điều khiển phải do cùng một Bên cấp (trừ phương tiện của cơ quan ngoại giao như Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán, Thương vụ, Thông tấn xã mang biển số của Bên ký kết kia qua lại biên giới thực hiện công vụ).

**Điều 21. Khai hải quan đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh.**

1. Khai hải quan đối với ô tô, mô tô, xe máy xuất cảnh, nhập cảnh.

a) Trường hợp sử dụng phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ:

a.1) Công chức hải quan có trách nhiệm:

a.1.1) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ do người khai hải quan nộp, xuất trình theo quy định tại Điều 20 Thông tư này, nếu đủ điều kiện cho xuất cảnh, nhập cảnh thì nhập thông tin vào các ô, mục định sẵn trên phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ.

a.1.2) In tờ khai phương tiện vận tải từ hệ thống (giấy trắng, khổ A4).

a.2) Người khai hải quan có trách nhiệm ký tên vào tờ khai phương tiện vận tải và chịu trách nhiệm về tính xác thực đối với thông tin đã cung cấp cho cơ quan Hải quan.

b) Trường hợp bất khả kháng do lỗi phần mềm, lỗi mạng không sử dụng được phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ:

b.1) Công chức hải quan có trách nhiệm:

b.1.1) Cấp phát miễn phí tờ khai phương tiện vận tải cho người khai hải quan.

b.1.2) Hướng dẫn người khai hải quan khai đúng và đủ thông tin vào các ô trống trên tờ khai phương tiện vận tải (gồm cả 2 liên) tại phần dành cho người điều khiển phương tiện vận tải

b.2) Người khai hải quan có trách nhiệm khai và ký tên vào tờ khai phương tiện vận tải, chịu trách nhiệm về tính xác thực đối với thông tin đã cung cấp cho cơ quan Hải quan.

2. Khai hải quan đối với tầu thuỷ nội địa xuất cảnh, nhập cảnh (được đăng ký theo pháp luật của Việt Nam và Campuchia).

a) Khai hải quan đối với tầu thuỷ nội địa xuất cảnh, nhập cảnh được thực hiện tương tự như đối với ô tô, mô tô, xe máy xuất cảnh, nhập cảnh quy định tại khoản 1 Điều này, riêng tờ khai phương tiện vận tải đường thủy tạm nhập – tái xuất, tạm xuất - tái nhập theo mẫu số 2 Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này.

b) Đối với tàu biển nước thứ ba xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu Vĩnh Xương - An Giang và Thường Phước - Đồng Tháp thực hiện thủ tục hải quan theo quy định tại Mục I, Chương II Thông tư này.

**Điều 22. Quyết định hình thức, mức độ kiểm tra phương tiện vận tải, kiểm tra, khám xét phương tiện vận tải.**

1. Quyết định hình thức, mức độ kiểm tra phương tiện vận tải:

a) Đối với phương tiện vận tải tại thời điểm làm thủ tục hải quan không có dấu hiệu, thông tin vi phạm thì công chức Hải quan đánh dấu (hoặc tích trên phần mềm quản lý phương tiện vận tải đường bộ) vào ô miễn kiểm tra phương tiện vận tải trên tờ khai hải quan.

b) Đối với phương tiện vận tải vi phạm thời hạn lưu hành, phương tiện vận tải làm thủ tục tạm nhập, tạm xuất lần đầu tiên hoặc có nghi ngờ khác nhau giữa hồ sơ và thực tế phương tiện vận tải thì công chức đánh dấu (hoặc tích vào hệ thống) vào ô kiểm tra phương tiện vận tải trên tờ khai hải quan.

c) Khi có đủ căn cứ để khẳng định trên phương tiện vận tải có cất giấu hàng hóa trái phép, có dấu hiệu, thông tin vi phạm pháp luật xét thấy cần phải khám xét phương tiện vận tải thì Chi cục trưởng quyết định và thực hiện theo thủ tục, trình tự, thẩm quyền quy định tại Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính. Trường hợp này công chức tiếp nhận hồ sơ đánh dấu (hoặc tích vào hệ thống) vào ô kiểm tra phương tiện vận tải trên tờ khai hải quan.

2. Kiểm tra phương tiện vận tải:

Kiểm tra phương tiện vận tải là việc đối chiếu hồ sơ do người khai hải quan nộp, xuất trình với thực tế phương tiện vận tải do công chức hải quan thực hiện. Nội dung kiểm tra gồm kiểm tra biển kiểm soát phương tiện vận tải, nếu có nghi vấn thì kiểm tra số khung, số máy phương tiện vận tải;

3. Khám xét phương tiện vận tải :

Khám xét phương tiện vận tải là lục soát, kiểm tra các vị trí có thể cất giấu hàng hoá không khai báo hải quan do Chi cục trưởng ra quyết định. Thủ tục khám xét phương tiện vận tải thực hiện như sau:

a) Phải bố trí tối thiểu 2 công chức tiến hành kiểm tra (1 người kiểm tra, 1 người giám sát và cảnh giới), có sự chứng kiến của người khai hải quan; chuẩn bị các công cụ, phương tiện cần thiết để kiểm tra.

b) Nội dung khám xét phương tiện vận tải:

b.1) Khám xét những nơi có khả năng cất dấu hàng lậu, hàng cấm như kiểm tra các thùng rỗng, bồn chứa;

b.2) Trong trường hợp cần thiết, những nơi có trang bị cân điện tử, máy soi thì tiến hành kiểm tra trọng lượng, soi chiếu theo quy định đối với phương tiện có chở hàng hoá, có kết hợp với làm thủ tục hải quan cho hàng hoá xuất nhập khẩu.

4. Xử lý kết quả kiểm tra, khám xét phương tiện vận tải:

a) Trường hợp không phát hiện có vi phạm, công chức hải quan hoàn tất thủ tục hải quan cho phương tiện vận tải theo quy định;

b) Trường hợp phát hiện có vi phạm pháp luật hải quan, công chức hải quan lập biên bản, tạm giữ phương tiện vận tải để xử lý theo quy định của pháp luật***.***

**Điều 23. Hoàn tất thủ tục hải quan cho phương tiện vận tải.**

1. Đối với phương tiện vận tải nước ngoài:

a) Phương tiện vận tải tạm nhập:

a.1) Đối với phương tiện vận tải nhập cảnh theo giấy chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam:

Công chức hải quan ghi kết quả kiểm tra phương tiện vận tải (nếu có), ký, đóng dấu công chức vào tờ khai phương tiện vận tải, giao cho người điều khiển phương tiện liên 1 tờ khai phương tiện vận tải tạm nhập-tái xuất để làm chứng từ đi đường và nộp lại cho Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tái xuất khi phương tiện vận tải này tái xuất, liên 2 tờ khai phương tiện vận tải lưu giữ tại Chi cục Hải quan cửa khẩu tạm nhập để theo dõi và thanh khoản.

a.2) Đối với phương tiện vận tải nhập cảnh theo giấy phép liên vận (theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết):

Ngoài thực hiện công việc nêu ở tiết a1) khoản 1 Điều này, công chức kiểm tra, giám sát phương tiện vận tải đóng dấu “Việt Nam Customs” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận.

b) Phương tiện vận tải tái xuất:

b.1) Đối với phương tiện vận tải tạm nhập theo giấy chấp thuận hoặc giấy tờ tương đương của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam, công chức hải quan ghi kết quả kiểm tra phương tiện vận tải (nếu có), ký, đóng dấu công chức vào liên 1 tờ khai phương tiện vận tải tạm nhập tái xuất để thanh khoản hồ sơ tạm nhập tái xuất.

b.2) Đối với phương tiện vận tải tạm nhập theo giấy phép liên vận:

Ngoài thực hiện công việc nêu ở tiết b.1 khoản 1 Điều này, công chức kiểm tra, giám sát phương tiện vận tải đóng dấu “Việt Nam Customs” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận.

2) Đối với phương tiện vận tải Việt Nam:

a) Xuất cảnh (tạm xuất):

a.1) Đối với phương tiện vận tải xuất cảnh theo giấy chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam: ghi kết quả kiểm tra, ký, đóng dấu công chức vào tờ khai phương tiện vận tải tạm xuất-tái nhập; giao cho người điều khiển phương tiện liên 1 tờ khai phương tiện vận tải tạm nhập-tái xuất để nộp lại cho Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tái nhập khi phương tiện vận tải này tái nhập, liên 2 tờ khai phương tiện vận tải lưu giữ tại Chi cục Hải quan cửa khẩu tạm xuất để theo dõi và thanh khoản.

a.2) Đối với phương tiện vận tải xuất cảnh theo giấy phép liên vận (theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết):

a.2.1) Giấy phép liên vận ở dạng sổ liên vận (áp dụng đối với Điều ước quốc tế Việt Nam ký với Lào và Campuchia): đóng dấu “Việt Nam Customs” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận.

Trường hợp không in tờ khai phương tiện vận tải: sau khi đóng dấu “Việt Nam Customs” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận, ghi số tờ khai PTVT lên nửa trên của con dấu.

a.2.2) Giấy phép liên vận ở dạng giấy khổ A4 (áp dụng đối với Điều ước quốc tế Việt Nam ký với Trung Quốc): đóng dấu “Việt Nam Customs” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận (trường hợp có sổ nhật trình kèm theo thì đóng lên sổ nhật trình).

Trường hợp không in tờ khai phương tiện vận tải: sau khi đóng dấu “Việt Nam Customs” - mẫu dấu theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận, ghi số tờ khai phương tiện vận tải lên nửa trên của con dấu.

b) Nhập cảnh (tái nhập):

b.1) Đối với phương tiện vận tải xuất cảnh theo giấy chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam: ghi kết quả kiểm tra, ký, đóng dấu công chức vào liên 1 tờ khai phương tiện vận tải tạm xuất-tái nhập và thu lại liên 1 tờ khai phương tiện vận tải để thanh khoản hồ sơ tạm xuất-tái nhập.

b.2) Đối với phương tiện vận tải xuất cảnh theo giấy phép liên vận (theo Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết):

b.2.1) Giấy phép liên vận ở dạng sổ (áp dụng đối với Điều ước quốc tế Việt Nam ký với Lào và Campuchia): đóng dấu “Việt Nam Customs” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận.

b.2.2) Giấy phép liên vận ở dạng giấy khổ A4 (áp dụng đối với Điều ước quốc tế Việt Nam ký với Trung Quốc): đóng dấu “Việt Nam Customs” theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành lên giấy phép liên vận (trường hợp có sổ nhật trình kèm theo thì đóng lên sổ nhật trình).

**Điều 24. Quy định về thanh khoản**

1. Thanh khoản phương tiện vận tải trên hệ thống phần mềm:

a) Căn cứ thanh khoản:

Công chức làm nhiệm vụ thanh khoản căn cứ vào các một trong các chứng từ: phiếu hồi báo, bản gốc, bản sao (hoặc bản fax) tờ khai phương tiện vận tải (liên 1), công văn (trường hợp phương tiện vận tải Việt Nam có Giấy phép liên vận, không in tờ khai phương tiện vận tải) của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục cho phương tiện vận tải tái xuất/tái nhập chưa được nối mạng với hệ thống để thanh khoản trên hệ thống;

b) Thủ tục thanh khoản:

Thực hiện thanh khoản trên hệ thống phân mềm theo tài liệu hướng dẫn sử dụng phần mềm do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành.

Công chức hải quan ký đóng dấu số hiệu công chức vào góc phải phía trên trang đầu phiếu hồi báo, bản gốc, bản sao (hoặc bản fax) tờ khai phương tiện vận tải (liên 1), công văn (trường hợp phương tiện vận tải Việt Nam có Giấy phép liên vận, không in tờ khai phương tiện vận tải ) của Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục cho phương tiện vận tải tái xuất/tái nhập chưa được nối mạng với hệ thống và đóng dấu "Đã thanh khoản" theo mẫu theo mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành, chuyển hồ sơ cho bộ phận phúc tập và lưu trữ theo quy định.

2) Thanh khoản phương tiện vận tải trên hồ sơ giấy:

a) Thanh khoản hồ sơ phương tiện vận tải tạm nhập:

a.1) Căn cứ thanh khoản:

a.1.1) Đối với Chi cục Hải quan làm thủ tục cho phương tiện vận tải tạm nhập, tái xuất có nối mạng với hệ thống thì:

a.1.1.1) Chi cục Hải quan làm thủ tục cho phương tiện vận tải tạm nhập, tái xuất cùng cửa khẩu: Căn cứ tờ khai hải quan phương tiện vận tải (liên 1) phù hợp với dữ liệu kiểm tra trên hệ thống để thanh khoản hồ sơ tạm nhập.

a.1.1.2) Chi cục Hải quan làm thủ tục cho phương tiện vận tải tái xuất không cùng cửa khẩu: Căn cứ tờ khai hải quan phương tiện vận tải (liên 1) phù hợp với dữ liệu kiểm tra trên hệ thống để thanh khoản hồ sơ tạm nhập.

a.1.1.2) Đối với Chi cục Hải quan làm thủ tục cho phương tiện vận tải nhập cảnh (tạm nhập) chưa được nối mạng với hệ thống thì: Căn cứ tờ khai phương tiện vận tải (liên 2) và phiếu hồi báo, bản gốc (hoặc bản fax) tờ khai phương tiện vận tải (liên 1) từ cửa khẩu tái xuất để thanh khoản hồ sơ tạm nhập.

a.2. Thủ tục thanh khoản:

Công chức hải quan ký đóng dấu số hiệu công chức vào góc phải phía trên trang đầu tờ khai phương tiện vận tải và đóng dấu "Đã thanh khoản" mẫu số 5 ban hành kèm theo Quyết định số 1200/2001/QĐ-TCHQ ngày 23/11/2001 của Tổng cục Hải quan. Chuyển hồ sơ cho bộ phận phúc tập và lưu trữ theo quy định.

b) Thanh khoản hồ sơ PTVT tạm xuất:

b.1) Căn cứ thanh khoản:

b.1.1) Đối với Chi cục Hải quan làm thủ tục tạm xuất, tái nhập được nối mạng với hệ thống thì:

b.1.1.1) Chi cục Hải quan làm thủ tục tạm xuất, tái nhập cùng cửa khẩu: Căn cứ tờ khai hải quan phương tiện vận tải (liên 1) hoặc Sổ liên vận (trường hợp không in tờ khai phương tiện vận tải) khớp với dữ liệu kiểm tra trên hệ thống để thanh khoản hồ sơ tạm xuất.

b.1.1.2) Chi cục Hải quan làm thủ tục tái nhập không cùng cửa khẩu: Căn cứ tờ khai hải quan phương tiện vận tải (liên 1) hoặc Sổ liên vận (trường hợp không in tờ khai phương tiện vận tải) khớp với dữ liệu kiểm tra trên hệ thống để thanh khoản hồ sơ tạm xuất.

b.1.2) Đối với Chi cục Hải quan làm thủ tục cho phương tiện vận tải tạm xuất chưa được nối mạng với hệ thống: Căn cứ tờ khai hải quan phương tiện vận tải (liên 2) và phiếu hồi báo, bản gốc (hoặc bản fax) tờ khai phương tiện vận tải (liên 1) từ cửa khẩu tái nhập để thanh khoản hồ sơ tạm xuất.

b.2) Thủ tục thanh khoản:

Công chức hải quan ký đóng dấu số hiệu công chức vào góc phải phía trên trang đầu tờ khai phương tiện vận tải hoặc công văn (trường hợp không in tờ khai phương tiện vận tải đối với phương tiện vận tải Việt Nam có Giấy phép liên vận) và đóng dấu "Đã thanh khoản" mẫu do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành. Chuyển hồ sơ cho bộ phận phúc tập và lưu trữ theo quy định.

**PHẦN II**

**Quy định cụ thể**

**Điều 25. Thủ tục hải quan đối với xe ô tô, xe mô tô, xe gắn máy xuất cảnh, nhập cảnh**

Khi ô tô, xe mô tô, xe gắn máy tạm nhập, nhập cảnh/tạm xuất, xuất cảnh hoặc tái xuất, xuất cảnh/nhập cảnh, tạm nhập:

1. Trách nhiệm của người khai hải quan:

Nộp, xuất trình bộ hồ sơ hải quan và khai hải quan theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Thông tư này.

2. Trách nhiệm của cơ quan Hải quan:

a) Tiếp nhận hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp và xuất trình; kiểm tra, đối chiếu thông tin hồ sơ phương tiện vận tải, nhập thông tin vào phần mềm quản lý phương tiện vận tải và in tờ khai phương tiện vận tải theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Thông tư này;

b) Quyết định hình thức, mức độ kiểm tra phương tiện vận tải; thực hiện kiểm tra, khám xét và xử lý theo quy định (nếu có) theo quy định tại Điều 22 Thông tư này

c) Hoàn tất thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

d) Thực hiện thanh khoản hồ sơ phương tiện vận tải tạm nhập (sau khi phương tiện vận tải đã tái xuất) và thanh khoản hồ sơ phương tiện vận tải tạm xuất (sau khi phương tiện vận tải đã tái nhập) trên phần mềm quản lý phương tiện vận tải xuất nhập cảnh qua cửa khẩu đường bộ.

**Điều 26. Thủ tục hải quan đối với thuyền, xuồng xuất cảnh, nhập cảnh**

Khi thuyền xuồng tạm nhập, nhập cảnh/tạm xuất, xuất cảnh hoặc tái xuất, xuất cảnh/tạm nhập, nhập cảnh:

1. Trách nhiệm của người khai hải quan:

Nộp, xuất trình bộ hồ sơ hải quan và khai hải quan theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Thông tư này.

2. Trách nhiệm của cơ quan Hải quan:

a) Tiếp nhận hồ sơ hải quan do người khai hải quan nộp và xuất trình; kiểm tra, đối chiếu thông tin hồ sơ phương tiện vận tải và in tờ khai phương tiện vận tải theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Thông tư này;

b) Quyết định hình thức, mức độ kiểm tra phương tiện vận tải; thực hiện kiểm tra, khám xét và xử lý theo quy định (nếu có) theo quy định tại Điều 22 Thông tư này

c) Hoàn tất thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

d) Thực hiện thanh khoản hồ sơ phương tiện vận tải tạm nhập (sau khi phương tiện vận tải đã tái xuất) và thanh khoản hồ sơ phương tiện vận tải tạm xuất (sau khi phương tiện vận tải đã tái nhập) trên hồ sơ giấy.

**Điều 27. Thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải của các tổ chức, cá nhân ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại khu vực biên giới.**

1. Đối với ô tô:

a) Đối với ô tô nước ngoài vào khu vực cửa khẩu để giao hàng hoặc nhận hàng thì thủ tục hải quan thực hiện như sau:

a1) Người khai hải quan xuất trình giấy tờ tuỳ thân, giấy tờ phương tiện để Chi cục hải quan cửa khẩu vào sổ theo dõi và giám sát.

a2) Chi cục hải quan cửa khẩu ghi sổ/ nhập máy tính các thông tin về loại phương tiện, biển kiểm soát, họ tên người điều khiển, ngày giờ vào, ra khỏi khu vực cửa khẩu.

b) Đối với ô tô Việt Nam đi qua biên giới để giao hàng hoặc nhận hàng thì thủ tục hải quan thực hiện như sau:

b1) Người khai hải quan xuất trình tờ khai hàng hoá xuất khẩu/nhập khẩu, giấy tờ tuỳ thân và giấy tờ phương tiện để Chi cục hải quan cửa khẩu vào sổ theo dõi và giám sát.

b2) Chi cục hải quan cửa khẩu ghi sổ/ nhập máy tính các thông tin gồm loại phương tiện, biển kiểm soát, họ tên người điều khiển, số tờ khai hàng hoá xuất khẩu hoặc nhập khẩu, ngày giờ vào, ra khỏi khu vực của khẩu.

c) Đối với ô tô của cá nhân, tổ chức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại khu vực biên giới do nhu cầu sinh hoạt hàng ngày:

c.1) Phương tiện vận tải tạm xuất - tái nhập hoặc tạm nhập - tái xuất phải đi về cùng một cửa khẩu mới được làm thủ tục hải quan.

c.2) Thủ tục hải quan:

c.2.1) Chi cục Hải quan cửa khẩu ghi sổ/ nhập máy tính các thông tin về loại phương tiện, biển kiểm soát, số khung, số máy, họ tên người điều khiển, ngày giờ vào, ra khỏi khu vực cửa khẩu.

c.2.2) Thực hiện giám sát theo quy định.

2. Đối với mô tô, xe gắn máy, thuyền xuồng của cá nhân, tổ thức ở khu vực biên giới thường xuyên qua lại khu vực biên giới do nhu cầu sinh hoạt hàng ngày, thủ tục hải quan thực hiện như sau:

a) Người điều khiển phương tiện xuất trình giấy tờ tuỳ thân, giấy tờ phương tiện để Chi cục Hải quan cửa khẩu vào sổ theo dõi và giám sát.

b) Chi cục Hải quan cửa khẩu ghi sổ/ nhập máy tính các thông tin gồm loại phương tiện, biển kiểm soát, họ tên người điều khiển, ngày giờ vào, ra khỏi khu vực cửa khẩu.

**Điều 28. Quy định riêng đối với một số trường hợp đặc thù**

1. Phương tiện vận tải vận chuyển hành khách tuyến cố định, thường xuyên xuất cảnh, nhập cảnh qua cửa khẩu theo giấy phép liên vận thì người điều khiển phương tiện chỉ phải khai hải quan phương tiện vận tải 01 lần trong thời hạn hiệu lực (một năm) của giấy phép (khai vào lần xuất cảnh, nhập cảnh đầu tiên). Các lần xuất cảnh, nhập cảnh tiếp theo được cơ quan Hải quan cập nhật theo dõi bằng sổ hoặc bằng máy tính và thanh khoản tờ khai vào lần tái xuất/ tái nhập cuối cùng.

2. Đối với phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh theo đoàn thì người điều khiển của từng phương tiện hoặc người đại diện cho đoàn thực hiện việc khai hải quan và làm thủ tục cho cả đoàn phương tiện.

3. Đối với các trường hợp phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh là xe cứu thương, cứu hoả, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ nhân đạo, làm nhiệm vụ khẩn cấp không có giấy phép thì Chi cục Hải quan cửa khẩu giải quyết thủ tục như sau:

a) Hướng dẫn người điều khiển phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh khai vào tờ khai phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, xuất trình các giấy tờ liên quan đến phương tiện vận tải và giấy tờ tuỳ thân của người điều khiển phương tiện vận tải.

b) Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế phương tiện vận tải, vào sổ hoặc nhập vào máy tính các thông tin trên tờ khai phương tiện vận tải.

c) Hoàn thành thủ tục hải quan phương tiện vận tải và làm công văn báo cáo ngay (fax) gửi Cục Hải quan tỉnh kèm bản copy tờ khai phương tiện vận tải tạm nhập – tái xuất hoặc tạm xuất – tái nhập có đóng dấu sao y của Chi cục để Cục Hải quan tỉnh thông báo đến các cơ quan gồm: Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải tỉnh và Hải quan cửa khẩu tái xuất (nếu tái xuất không cùng cửa khẩu) để phối hợp theo dõi, quản lý.

4. Đối với ô tô mang biển kiểm soát riêng của khu kinh tế cửa khẩu:

a) Ô tô biển kiểm soát riêng của khu kinh tế cửa khẩu vào nội địa phải làm thủ tục hải quan tạm nhập – tái xuất theo quy định.

b) Ô tô biển kiểm soát riêng của khu kinh tế cửa khẩu nếu được cấp giấy phép liên vận ra nước ngoài phải làm thủ tục tạm xuất – tái nhập theo quy định.

5. Đối với phương tiện vận tải thuộc điều chỉnh của Hiệp định GMS mà Việt Nam ký kết với các nước trong khu vực Tiểu vùng Mê Kông:

a) Thực hiện quản lý, theo dõi thông qua phần mềm quản lý phương tiện vận tải xuất nhập cảnh đường bộ;

b) Thủ tục hải quan thực hiện như sau:

b.1) Trách nhiệm của người khai hải quan :

Nộp và xuất trình các chứng từ theo quy định tại khoản … Điều … Nghị định số …..

b.2) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan cửa khẩu:

b.2.1) Kiểm tra Giấy phép vận tải đường bộ GMS (GMS Road Transport Permit) và xác nhận lên Sổ theo dõi hoạt động phương tiện thực hiện Hiệp định GMS đi kèm giấy phép;

b.2.2) Kiểm tra hồ sơ hải quan GMS gồm:

b.2.2.1) Tờ khai hàng hoá quá cảnh và thông quan nội địa (GMS transit and inland customs clearance Document);

b.2.2.2) Tờ khai tạm nhập phương tiện vận tải (Motor Vehicle temporary admission Document);

b.2.2.1) Tờ khai tạm nhập container (Container temporary admission Document);

b.2.3) Không in tờ khai phương tiện vận tải của Việt Nam, thực hiện xác nhận lên hồ sơ hải quan GMS: Thực hiện theo Sổ tay hướng dẫn chế độ quá cảnh CTS đã thống nhất giữa các nước GMS (xác nhận bằng tiếng Anh).

b.2.4) Hoàn thành thủ tục hải quan cho phương tiện vận tải nếu không phát hiện vi phạm.

b.2.5) Trường hợp phát hiện vi phạm:

b.2.5.1) Yêu cầu người điều khiển phương tiện thanh toán ngay các khoản thuế, lệ phí.

b.2.5.2) Trường hợp người điều khiển phương tiện không có khả năng thanh toán ngay các khoản thuế, lệ phí thì thông báo việc vi phạm (kèm hồ sơ chứng minh vi phạm của doanh nghiệp vận tải) đến Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam (VATA) yêu cầu thanh toán theo qui định tại Thoả thuận sơ bộ giữa Tổng cục Hải quan và Hiệp hội vận tải ô tô Việt Nam (VATA) ký ngày 05/11/2009.

c) Gia hạn thời hạn lưu hành:

c.1) Thẩm quyền gia hạn: việc gia hạn thời gian lưu hành đối với phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập – tái xuất quá hạn trong các trường hợp bất khả kháng do Chi cục trưởng quyết định, xác nhận (bằng tiếng Anh) vào văn bản yêu cầu của người có phương tiện tạm nhập.

c.2) Thực hiện việc gia hạn theo khoản c Điều 9 Phục lục 8-Tạm nhập phương tiện cơ giới (Annex 8: Temporary Importation of Motor Vehicle) và khoản (b) Điều 14 Phụ lục 14-Chế độ hải quan Công ten nơ (Annex 14- Container Customs Regime) của Hiệp định tạo thuận lợi vận tải người và hàng hoá qua lại biên giới giữa các nước tiểu vùng Mê Kông (The GMS Cross-Border Transort Agreement-CBTA).

d) Đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam thì sau khi kết thúc thủ tục hải quan theo cơ chế vận tải quá cảnh CTS mới làm thủ tục hải quan theo từng loại hình nhập khẩu.

6. Đối với phương tiện vận tải gồm ôtô, mô tô, xe gắn máy của tổ chức, cá nhân nước thứ 3 không thuộc đối tượng điều chỉnh của Điều ước quốc tế mà Chính phủ Việt Nam tham gia ký kết khi xuất cảnh hay nhập cảnh phải có văn bản cho phép hoặc chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải) mới được giải quyết thủ tục hải quan:

a) Trường hợp phương tiện vận tải của nước thứ 3 được phép tạm nhập qua cửa khẩu đường bộ và tái xuất qua cửa khẩu đường biển/đường sông/đường sắt/đường hàng không hoặc ngược lại thì Chi cục Hải quan làm thủ tục tái xuất phương tiện vận tải phải fax hoặc gửi lại bản chính tờ khai phương tiện vận tải (sau khi sao lưu tờ khai phương tiện vận tải) cho Chi cục Hải quan cửa khẩu làm thủ tục tạm nhập để thanh khoản hồ sơ phương tiện vận tải tạm nhập.

b) Thủ tục phương tiện vận tải quá cảnh thực hiện như thủ tục đối với ô tô nước ngoài tạm nhập-tái xuất qui định tại Điều 25 Thông tư này.

7. Đối với phương tiện vận tải của tổ chức, cá nhân của một nước láng giềng ký kết Hiệp định vận tải song phương với Việt Nam, đã làm thủ tục nhập cảnh (tạm nhập) vào lãnh thổ Việt Nam muốn xuất cảnh (tái xuất) sang lãnh thổ của một nước láng giềng khác có ký kết Hiệp định vận tải song phương với Việt Nam phải có văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam mới được giải quyết thủ tục hải quan.

8. Đối với phương tiện vận tải là hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh thì thực hiện như thủ tục hải quan đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh

**MỤC IV**

**Thủ tục hải quan đối với tàu hỏa liên vận quốc tế xuất cảnh, nhập cảnh**

**Điều 29. Thủ tục hải quan đối với tàu nhập cảnh**

1. Trường hợp cảng đích là ga liên vận biên giới:

a) Trách nhiệm của người khai hải quan:

Trong thời hạn quy định tại Điều … Nghị định số … , thực hiện nộp các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan quy định tại khoản 1 Điều … Nghị định số …, cụ thể như sau:

a.1) Giấy giao tiếp hàng hoá đối với tàu chở hàng hóa;

a.2) Vận đơn đối với tàu chở hàng hóa;

a.3) Danh sách hành khách có xác nhận của Trưởng tàu hoặc người đại diện (sau đây gọi chung là Trưởng tàu) đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục tại ga liên vận biên giới (mẫu số 1 - Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này);

b) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan ga liên vận biên giới:

b.1) Kiểm tra, đối chiếu thông tin tại hồ sơ về số hiệu toa xe, số lượng hàng,…với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi,…; kiểm tra niêm phong của tổ chức vận tải (nếu có) đối với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra, tổng hợp, phân tích thông tin khai và các thông tin khác (thông tin quản lý rủi ro, thông tin từ các đơn vị khác trong và ngoài ngành) và xử lý:

b.1.1) Nếu thông tin khai hải quan phù hợp với các quy định của pháp luật, không có thông tin nghi ngờ thì:

b.1.1.1) Công chức hải quan ký, đóng dấu công chức lên chứng từ do người khai hải quan nộp, hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu nhập cảnh.

b.1.1.2) Lưu hồ sơ hải quan gồm: bản lược khai hàng hoá, vận tải đơn và các chứng từ liên quan theo quy định.

b.1.2) Nếu đủ cơ sở khẳng định có vi phạm pháp luật hải quan như trên tàu có chuyên chở hàng hóa cấm nhập khẩu, hàng hóa buôn lậu … thì vẫn thực hiện thủ tục hải quan cho tàu nhập cảnh, đồng thời triển khai các nghiệp vụ khác có liên quan như tổ chức giám sát tàu, giám sát hàng hóa khi dỡ xuống và lưu giữ trong khu vực giám sát hải quan, chuyển luồng đỏ khi thực hiện thủ tục thông quan đối với hàng hóa và các biện pháp nghiệp vụ khác.

b.2) Thực hiện giám sát cho đến khi hàng hoá nhập khẩu làm xong thủ tục nhập khẩu.

2. Trường hợp cảng đích là ga liên vận nội địa:

a) Trách nhiệm của người khai hải quan:

Trong thời hạn quy định tại Điều … Nghị định số … , thực hiện nộp các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan quy định tại khoản 1 Điều … Nghị định số …, cụ thể như sau:

a.1) Nộp cho Chi cục Hải quan ga liên vận biên giới:

a.1.1) Giấy giao tiếp hàng hoá đối với tàu chở hàng hóa.

a.1.2) Vận đơn đối với tàu chở hàng hóa.

a.1.3) Bản trích lược khai hàng hóa nhập khẩu dỡ xuống từng ga liên vận nội địa đã có xác nhận của Ga liên vận biên giới đối với tàu chở hàng hóa (mẫu số 2 - Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này).

a.1.4) Bảng kê nhiên liệu, dụng cụ, thực phẩm mang theo của tàu đã có xác nhận của Trưởng tàu (mẫu số 3 – Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này).

a.2) Nộp cho Chi cục Hải quan ga liên vận nội địa:

a.2.1) Các giấy tờ còn nguyên niêm phong của Chi cục Hải quan cửa khẩu ga liên vận biên giới chuyển đến.

a.2.2) Danh sách hành khách có xác nhận của Trưởng tàu đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục tại ga liên vận nội địa (mẫu số 1 – Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này).

b) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan ga liên vận biên giới:

Ngoài những nội dung quy đinh tại tiết a, điểm b.1 khoản 1 Điều này, Chi cục Hải quan ga liên vận biên giới có trách nhiệm:

b.1) Niêm phong hải quan từng toa xe chứa hàng hóa, hành lý ký gửi đang chịu sự giám sát hải quan được vận chuyển tiếp đến ga đích; trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được như hàng siêu trường, siêu trọng, hàng rời,…thì Trưởng tàu chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, hành lý ký gửi, toa xe trong quá trình vận chuyển đến ga đích theo quy định.

b.2) Lập biên bản bàn giao hàng hoá nhập khẩu cho Hải quan tại ga liên vận nội địa trong trường hợp có vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan đến ga liên vận nội địa đối với tàu nhập cảnh (theo mẫu số 4 - Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này).

b.3) Niêm phong hồ sơ hải quan gồm các chứng từ nêu tại điểm a.1.2, a.1.3 khoản 2 Điều này, biên bản bàn giao và giao cho Trưởng tàu chuyển đến Hải quan ga đích theo quy định.

c. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan ga liên vận nội địa:

c.1) Tiếp nhận hồ sơ hải quan có niêm phong hải quan của Chi cục Hải quan ga biên giới chuyển đến do Trưởng tàu nộp;

c.2) Thông báo ngay cho hải quan ga đi về việc tiếp nhận hàng hoá, hồ sơ lô hàng đang chịu sự giám sát hải quan và tình hình hàng hoá được chuyển đến.

c.3) Lưu hồ sơ hải quan các chứng từ do Chi cục Hải quan ga biên giới chuyển đến;

c.4) Thực hiện giám sát cho đến khi hàng hoá nhập khẩu làm xong thủ tục nhập khẩu.

**Điều 30. Thủ tục hải quan đối với tàu xuất cảnh**

1. Trường hợp ga đi là ga liên vận biên giới:

a) Trách nhiệm của người khai hải quan:

Trong thời hạn quy định tại Điều … Nghị định số … , thực hiện nộp các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan quy định tại khoản 2 Điều … Nghị định số …, cụ thể như sau:

a.1.) Giấy giao tiếp hàng hoá đối với tàu chở hàng hóa đã có xác nhận của Ga liên vận biên giới.

a.2) Vận đơn đối với tàu chở hàng hóa đã có xác nhận của Ga liên vận biên giới.

a.3) Bản xác báo thứ tự lập tàu đối với tàu chở hàng hóa đã có xác nhận của Ga liên vận biên giới.

a.4) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận biên giới (mẫu số 1 – Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này).

b) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan ga liên vận biên giới:

b.1) Kiểm tra, đối chiếu thông tin tại hồ sơ về số hiệu toa xe, số lượng hàng,…với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi,…; kiểm tra niêm phong của tổ chức vận tải (nếu có) đối với từng toa xe, container chứa hàng hóa, hành lý ký gửi; kiểm tra, tổng hợp, phân tích thông tin khai và các thông tin khác (thông tin quản lý rủi ro, thông tin từ các đơn vị khác trong và ngoài ngành) và xử lý:

b.1.1) Nếu thông tin khai hải quan phù hợp với các quy định của pháp luật, không có thông tin nghi ngờ thì:

b.1.1.1) Công chức hải quan ký, đóng dấu công chức lên chứng từ do người khai hải quan nộp, hoàn thành thủ tục hải quan cho tàu xuất cảnh.

b.1.1.2) Lưu hồ sơ hải quan gồm: bản lược khai hàng hoá, vận tải đơn và các chứng từ liên quan theo quy định.

b.1.2) Nếu đủ cơ sở khẳng định có vi phạm pháp luật hải quan như trên tàu có chuyên chở hàng hóa cấm xuất khẩu, hàng hóa buôn lậu … thì chủ động phối hợp với Ga liên vận biên giới và các cơ quan chức năng khác để xác minh làm rõ và xử lý vi phạm theo quy định (nếu có). Sau khi thực hiện các biện pháp trên đây, Chi cục Hải quan ga liên vận biên giới thực hiện thủ tục hải quan cho tàu xuất cảnh.

b.2) Thực hiện giám sát cho đến khi hàng hoá xuất khẩu được xuất khẩu và tàu xuất cảnh được xuất cảnh.

2. Trường hợp ga đi là ga liên vận nội địa

a) Trách nhiệm của người khai hải quan:

Trong thời hạn quy định tại Điều … Nghị định số … , thực hiện nộp các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan quy định tại khoản 2 Điều … Nghị định số …, cụ thể như sau:

a.1) Nộp cho Chi cục Hải quan ga liên vận nội địa:

a.1.1) Bản xác báo thứ tự lập tàu đã có xác nhận của Ga liên vận nội địa đối với tàu khách.

a.1.2) Bản trích lược khai hàng hóa xuất khẩu tại ga liên vận nội địa đã có xác nhận của Ga liên vận nội địa đối với tàu chở hàng hóa (mẫu số 5 – Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này).

a.1.3) Vận đơn đối với tàu chở hàng hóa.

a.1.4) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục tại ga liên vận nội địa (mẫu số 1 – Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này).

a.2) Nộp cho Chi cục Hải quan ga liên vận biên giới:

a.2.1) Các giấy tờ còn nguyên niêm phong của Chi cục Hải quan cửa khẩu ga liên vận nội địa chuyển đến.

a.2.2) Giấy giao tiếp hàng hóa đối với tàu chở hàng hóa đã có xác nhận của Ga liên vận biên giới.

a.2.3) Vận đơn đối với tàu chở hàng hóa đã có xác nhận của Ga liên vận biên giới.

a.2.4) Bản xác báo thứ tự lập tàu lập tại ga liên vận biên giới đã có xác nhận của Ga liên vận biên giới.

a.2.5) Danh sách hành khách đối với tàu khách và hành khách làm thủ tục hải quan tại ga liên vận biên giới (mẫu số 1 – Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này).

b) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan ga liên vận nội địa:

b.1) Niêm phong hải quan từng toa xe chứa hàng hóa, hành lý ký gửi đang chịu sự giám sát hải quan được vận chuyển tiếp đến ga đích; trường hợp hàng hóa không thể niêm phong được như hàng siêu trường, siêu trọng, hàng rời,…thì Trưởng tàu chịu trách nhiệm đảm bảo nguyên trạng hàng hóa, hành lý ký gửi, toa xe trong quá trình vận chuyển đến ga đích theo quy định.

b.2) Lập biên bản bàn giao hàng hoá xuất khẩu cho Hải quan tại ga liên vận nội địa trong trường hợp có vận chuyển hàng hóa đang chịu sự giám sát hải quan đến ga liên vận biên giới đối với tàu xuất cảnh (theo mẫu số 6 - Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này).

b.3) Niêm phong hồ sơ hải quan gồm các chứng từ nêu tại điểm a.1.1, a.1.2,a.1.3 khoản 2 Điều này, biên bản bàn giao và giao cho Trưởng tàu chuyển đến Hải quan ga đích theo quy định.

c) Trách nhiệm của Chi cục Hải quan ga liên vận biên giới:

Ngoài những nội dung quy đinh tại điểm b khoản 1 Điều này, Chi cục Hải quan ga liên vận biên giới có trách nhiệm:

c.1) Tiếp nhận hồ sơ hải quan có niêm phong hải quan của Chi cục Hải quan ga biên giới chuyển đến do Trưởng tàu nộp.

c.2) Thông báo ngay cho hải quan ga đi về việc tiếp nhận hàng hoá, hồ sơ lô hàng đang chịu sự giám sát hải quan và tình hình hàng hoá được chuyển đến.

c.3) Lưu hồ sơ hải quan các chứng từ do Chi cục Hải quan ga biên giới chuyển đến.

**CHƯƠNG IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 31. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2015 và thay thế Thông tư số 64/2011/TT-BTC ngày 13/5/2011 của Bộ Tài chính.

**Điều 32. Tổ chức thực hiện**

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có trách nhiệm:

1.1. Xây dựng và công bố định dạng chuẩn dữ liệu điện tử thực hiện thủ tục hải quan đối với tàu biển, tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh.

1.2. Xây dựng cổng thông tin điện tử của Tổng cục Hải quan và hệ thống khai hải quan điện tử.

1.3. Quyết định lựa chọn hãng tàu bay thực hiện thủ tục hải quan điện tử theo từng giai đoạn.

1.4. Xây dựng kế hoạch chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị hải quan chủ động phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện thực hiện thủ tục hải quan điện tử.

2. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu các văn bản liên quan đề xập tại Thông tư này được sửa đổi hoặc bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi hoặc bổ sung, thay thế.

3. Trường hợp phát sinh vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - VP TW Đảng và các Ban của Đảng;  - VP Quốc Hội, VP Chủ tịch nước, VPCP;  - Viện kiểm sát NDTC, Toà án NDTC;  - Kiểm toán Nhà nước;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - Văn phòng BCĐ TW về phòng chống tham nhũng;  - UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;  - Công báo;  - Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;  - Website Chính phủ;  - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính;  - Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;  - Lưu: VT, TCHQ. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **Đỗ Hoàng Anh Tuấn** |